



Contact Methods
Mob: (86)18668768846
Tel: (86) 577 68668118
Wechat: zigpac123
Skype: bruce.chan1999
E-mail: bruce@zigpac.com
Whatsapp: +86-18668768846
Telegram: @Zigpacstickers

Company Info
Name: Wenzhou Zigpac Industry Limited
Address: No. 148-152, Building C, Jiangbin
Commercial and Residential Building, Longgang
City, Wenzhou City, Zhejiang 325802, China



YOUR CUSTOM PRINTING & PACKAGING PARTNER FOR SMALL AND MEDIUM BUSINESSES



Túi gửi hàng poly in theo yêu cầu cho quần áo thương hiệu và hàng mềm

Product Image













Details

Túi gửi hàng poly in theo yêu cầu kết hợp bao bì vận chuyển linh hoạt với hình ảnh thương hiệu của bạn. Bắt đầu với sản phẩm đã đóng gói, sau đó xác định kích thước sử dụng được, độ dày màng, cách đóng miệng, mức phủ mực in và các bước kiểm tra mẫu. Giá, số lượng đặt hàng tối thiểu, thời gian sản xuất và trọng lượng đơn vị cần có báo giá riêng theo từng sản phẩm.

Đối với thương hiệu may mặc, cửa hàng trực tuyến độc lập và đội ngũ hoàn tất đơn hàng, bao bì có hai nhiệm vụ: hỗ trợ lô hàng và thể hiện thương hiệu. Bản in nổi bật không thể bù cho đường hàn bị căng, nhãn vận chuyển khó đọc hoặc phần đóng không nằm phẳng.

Định dạng này đáng cân nhắc cho quần áo gấp, hàng dệt may và các hàng mềm không dễ vỡ khác. Với thủy tinh, sản phẩm dễ bị ép hỏng, linh kiện sắc nhọn hoặc hàng có góc cần giữ nguyên vẹn, hãy đánh giá bao bì bảo vệ bên trong hoặc dạng vận chuyển cứng thay thế.

Vấn đề mua hàng thường bắt đầu từ đơn giá hấp dẫn nhưng thông số kỹ thuật chưa đầy đủ. Nếu túi hóa ra quá nhỏ, quá trong hoặc in kém, khoản tiết kiệm tưởng chừng có được sẽ thành thêm công đóng gói, tồn kho không dùng được hoặc trải nghiệm giao hàng gây thất vọng.

Giải pháp thực tế là phê duyệt thông số bao bì trước khi cam kết đặt hàng túi in. Tách các tính năng bắt buộc khỏi yêu cầu tùy chọn, so sánh báo giá trên cùng cơ sở và thử các mẫu đã đóng gói đại diện. Như vậy, quyết định sẽ dựa trên lô hàng của bạn, không phải bức ảnh đẹp nhất của nhà cung cấp.



Hình ảnh minh họa các tình huống mua hàng và đánh giá. Chúng không xác nhận các tùy chọn, thiết bị nhà máy, chứng nhận hoặc kết quả thử nghiệm của sản phẩm này.

Nội dung

- [Túi gửi hàng poly in khác gì so với bao bì bảo vệ?](#)
- [Chọn kích thước và độ dày màng như thế nào?](#)
- [Những chi tiết về bề mặt và kiểu đóng nào cần có trong báo giá?](#)
- [Kiểm tra trước khi in thiết kế giúp tránh bất ngờ khi in như thế nào?](#)
- [Cần thống nhất những gì trước khi bắt đầu sản xuất?](#)
- [Những kiểm tra mẫu nào giúp giảm rủi ro mua hàng?](#)
- [Phương án mua nào phù hợp với ngân sách và mô hình đặt hàng của bạn?](#)
- [Cần có bằng chứng gì cho các tuyên bố về tái chế và vật liệu?](#)
- [Các điểm chính để đưa ra quyết định mua hàng rõ ràng hơn](#)
- [Chuyển yêu cầu vận chuyển thành báo giá có thể so sánh](#)

Túi gửi hàng poly in khác gì so với bao bì bảo vệ? [↑](#)

Túi gửi hàng poly là phong bì vận chuyển bằng nhựa mềm dẻo, thường làm từ polyethylene và có miếng dán keo. In theo yêu cầu bổ sung yếu tố thương hiệu trên bề mặt túi. Bản in và từ “mailer” đều không xác lập khả năng đệm, chịu nén, chống đâm thủng hoặc tải trọng an toàn.

Hãy xem túi như một lớp vận chuyển bên ngoài thay vì vật thay thế cho mọi thành phần bảo vệ. Hàng

mềm có thể phù hợp với định dạng này, trong khi hàng đóng hộp hoặc cứng có góc và điểm tiếp xúc tập trung cần được đánh giá riêng. Màng dày hơn không biến phong bì mềm dẻo thành hộp bảo vệ.

Xác nhận thành phần nhựa, cấu tạo màng, bề mặt hoàn thiện, độ mờ và cấu hình đóng miệng trong báo giá và khi phê duyệt mẫu. Dung tích, khả năng chịu tải và số lượng sản phẩm trong mỗi túi phụ thuộc vào kích thước thực tế, điều kiện xếp hàng và việc kiểm tra mẫu.

Chọn kích thước và độ dày màng như thế nào? [↑](#)

Đo kiện hàng theo đúng cách thực tế sẽ đóng gói

Gấp sản phẩm theo cách đội đóng gói của bạn thường làm, bao gồm túi trong, giấy lót, miếng chèn hoặc thành phần bảo vệ. Ghi lại chiều dài, chiều rộng, chiều sâu và khối lượng khi đóng gói. Cỡ bán lẻ của quần áo không thể thay thế đáng tin cậy cho các số đo này.

Yêu cầu báo giá phân biệt kích thước ngoài túi, kích thước trong có thể sử dụng và chiều dài nắp. Xác nhận chiều dài nêu ra có bao gồm nắp hay không. Mọi hông xếp phải được mô tả riêng để hai báo giá không trông tương đương nhưng thực tế có không gian sử dụng khác nhau.

1. Đặt sản phẩm đại diện đã đóng gói vào mẫu mà không ép chặt.
2. Kiểm tra các góc, đường hàn và chi tiết nhô ra xem có lực căng cục bộ hay không.
3. Đóng nắp sao cho vùng keo tiếp xúc hoàn toàn với bề mặt phẳng.
4. Dán nhãn vận chuyển dự kiến tránh xa nếp gấp và đường hàn.
5. Đo kích thước và cân kiện hoàn chỉnh theo dịch vụ vận chuyển dự kiến.

Đừng cho rằng kích thước túi danh nghĩa khiến kiện hàng đủ điều kiện cho một hạng mục bưu chính hoặc dịch vụ kiện mềm giảm giá cụ thể. Hãy đánh giá kiện hoàn chỉnh theo yêu cầu hiện hành của hãng vận chuyển và nền tảng. Đặt hộp cứng vào trong túi không làm cho hàng bên trong trở nên mềm dẻo.

Dùng độ dày màng làm tiêu chí so sánh, không phải cam kết độ bền

Độ dày tham chiếu	Độ dày tương đương	Cách dùng trong báo giá
2,0 mil	50,8 µm	Mốc so sánh mỏng hơn để đánh giá hàng nhẹ, mềm.
2,5 mil	63,5 µm	Một điểm tham chiếu để đánh giá túi gửi hàng quần áo.
3,0 mil	76,2 µm	Mốc so sánh dày hơn khi đánh giá mối lo về đâm thủng hoặc thao tác.

Đây là các độ dày tham chiếu trên thị trường, không phải thông số kỹ thuật hay mức chịu tải có sẵn cho đơn hàng của bạn. Một mil bằng 25,4 µm. Hãy yêu cầu cơ sở đo độ dày màng và dung sai đã thống nhất; đồng thời so sánh cấu tạo nhựa, đường hàn và hiệu quả đóng miệng cùng với độ dày.



Những chi tiết về bề mặt và kiểu đóng nào cần có trong báo giá? [↑](#)

Bản mô phỏng trên màn hình không thể xác lập cảm giác hoặc diện mạo của màng in. Hãy nêu màu nền và bề mặt mong muốn, sau đó đánh giá mẫu vật lý về độ mờ, độ cứng, độ tương phản in và các vết thao tác nhìn thấy được. Nếu quyền riêng tư quan trọng, hãy kiểm tra mẫu với hàng đại diện dưới ánh sáng mạnh.

Mô tả riêng yêu cầu mặt trước và mặt sau. Logo mặt trước, thiết kế hai mặt và phủ tràn mép là các yêu cầu in khác nhau. Hãy chừa vùng nhãn có thể dùng trong thiết kế thay vì cho rằng kho có thể dán nhãn vận chuyển ở bất kỳ chỗ nào còn trống.

Chi tiết cần yêu cầu	Mục đích mua hàng	Bằng chứng cần có trước khi phê duyệt
Diện mạo bề mặt và màu nền	Phối hợp bao bì với hình ảnh thương hiệu.	Mẫu vật liệu và mẫu in thực tế.
Độ mờ	Hạn chế khả năng nhìn thấy hàng bên trong và giấy tờ kèm theo.	Kiểm tra với sản phẩm đã đóng gói thực tế.
Nắp dán keo	Hỗ trợ thao tác đóng nhất quán.	Trình diễn cách đóng và kiểm tra nghiệm thu đã thống nhất.
Tính năng mở và dải keo thứ hai	Đánh giá độ thuận tiện khi mở và khả năng dùng để hoàn trả.	Cấu trúc đã xác nhận và thử mẫu từ gửi đi đến hoàn trả.

Đây là các tính năng cần trao đổi, không phải danh mục tùy chọn đã xác nhận. Dải thứ hai không chứng minh túi đã dùng vẫn phù hợp cho lô hàng khác, và kiểu đóng được mô tả là chống can thiệp không phải chứng nhận ngăn ngừa trộm cắp.



Kiểm tra trước khi in thiết kế giúp tránh bất ngờ khi in như thế nào? [↑](#)

Hãy bắt đầu bằng khuôn sản xuất thay vì kéo giãn một đồ họa mạng xã hội hiện có lên túi. Yêu cầu vùng in, vị trí đường hàn và nắp, phần tràn lề bắt buộc và vùng trống. Xác nhận quy trình để xuất hỗ trợ độ phủ mong muốn trước khi chốt thiết kế.

- **Chất lượng tệp:** Cung cấp logo vector khi có thể và kiểm tra mọi thiết kế raster ở kích thước xuất dự kiến.
- **Kỳ vọng màu sắc:** Nên tham chiếu màu và thống nhất cách đánh giá mẫu in; chỉ xem trước trên màn hình là không đủ.
- **Chi tiết nhỏ:** Rà soát đường nét mảnh, chữ nhỏ và chữ đảo nền theo quy trình in để xuất.
- **Vị trí:** Kiểm tra hướng trước-sau và giữ nội dung quan trọng tránh xa nếp gấp, đường hàn và vùng mở.
- **Quét mã:** Kiểm tra mọi mã QR trên mẫu vật lý và giữ lại vị trí phẳng để dán nhãn vận chuyển.

Bản duyệt kỹ thuật số hữu ích để kiểm tra nội dung và vị trí. Cần mẫu in vật lý để đánh giá diện mạo trên màng đã chọn, gồm hiện nền, độ chống khớp in, độ bền cọ xát và mùi. Hãy hỏi liệu mẫu đó có dùng cùng vật liệu và quy trình để xuất cho sản xuất hay không.

Phê duyệt một phiên bản thiết kế có thể nhận diện cùng với mã tham chiếu mẫu. Nếu thay đổi sau đó ảnh hưởng đến màu màng, độ phủ mực hoặc phương pháp in, hãy xem xét lại phê duyệt liên quan thay vì cho rằng kết quả trước vẫn áp dụng.



Cần thống nhất những gì trước khi bắt đầu sản xuất? [↑](#)

Trình tự sản xuất thông thường gồm chuẩn bị nguyên liệu, tạo màng, in ấn và gia công thành túi. Hãy dùng các giai đoạn này để sắp xếp các câu hỏi khi mua hàng; xác nhận riêng thiết bị, địa điểm sản xuất, năng lực và yêu cầu chất lượng.

Dùng quy trình phê duyệt bằng văn bản liên kết báo giá với túi hoàn chỉnh:

1. **Rà soát thông số:** Ghi nhận kích thước, tuyên bố vật liệu, độ dày, kiểu đóng, in ấn, số lượng và yêu cầu đóng gói.
2. **Phê duyệt thiết kế:** Xác định tệp được chấp nhận và ranh giới in đã thống nhất.
3. **Phê duyệt mẫu:** Ghi nhận mẫu vật lý được chấp nhận và mọi điều kiện vẫn cần thử nghiệm.
4. **Cho phép sản xuất:** Xác nhận các hạng mục chưa giải quyết đã được khép lại trước khi phát hành đơn hàng.
5. **Cho phép xuất hàng:** Rà soát bằng chứng kiểm tra và chi tiết đóng gói đã thống nhất.

Tách thời gian chuẩn bị mẫu, sản xuất, xuất hàng và vận chuyển trong lịch trình. Hãy hỏi sự kiện phê duyệt nào bắt đầu tính thời gian sản xuất và việc thay đổi thiết kế ảnh hưởng tiến độ thế nào. Ước tính sản xuất không phải cam kết ngày đến, đặc biệt với giao hàng xuyên biên giới.

Xác nhận số lượng đặt hàng tối thiểu (MOQ), thời gian sản xuất, trọng lượng đơn vị và các chứng nhận hoặc báo cáo thử nghiệm cần thiết trong báo giá, thay vì lấy số liệu từ nhà cung cấp khác hoặc từ một cấu hình túi gửi hàng khác.



Những kiểm tra mẫu nào giúp giảm rủi ro mua hàng? [↑](#)

Câu hỏi hữu ích không chỉ là mẫu có đẹp hay không, mà là cấu trúc đề xuất có hoạt động chấp nhận được với hàng hóa và phương pháp đóng gói của bạn không. Hãy thống nhất số lượng mẫu, điều kiện thử, giới hạn chấp nhận và cách xử lý lỗi trước khi xem việc kiểm tra là quyết định cho phép xuất hàng.

Hạng mục kiểm tra	Đánh giá đề xuất	Hồ sơ cần lưu
Kích thước và độ dày màng	Đo theo thông số và dung sai đã thống nhất.	Số đo, vị trí đo và nhận diện mẫu.
Đường hàn bên và đáy	Kiểm tra và đánh giá dưới tải đại diện.	Hiện tượng bung, tách hoặc biến dạng quan sát được.
Kiểu đóng dán keo	Dán kín theo phương pháp đóng gói dự kiến và đánh giá hành vi khi mở lại.	Điều kiện, quy trình và tiêu chí đạt/không đạt đã thống nhất.
Bề mặt in	Kiểm tra độ chống khớp in, diện mạo và hiệu suất cọ xát hoặc bám dính đã thống nhất.	So sánh với mẫu đã phê duyệt và ảnh lỗi.
Độ mờ và mùi	Kiểm tra với hàng đại diện và đánh giá ảnh hưởng có thể có lên sản phẩm.	Quan sát và quyết định chấp nhận.
Kiện hàng hoàn chỉnh	Thực hiện đánh giá thao tác hoặc thả rơi đã thống nhất với hàng đại diện.	Điều kiện tải, phương pháp thử và hư hỏng phát sinh.

Đây là danh sách kiểm tra nghiệm thu đề xuất, không phải báo cáo thử nghiệm đã hoàn thành. Kiểm tra thử công có thể phát hiện vấn đề nhưng không nên trình bày như kết quả phòng thí nghiệm tiêu chuẩn. Nếu cần thử nghiệm chính thức, hãy thống nhất phương pháp và báo cáo bắt buộc trước khi đặt hàng.

Đưa việc kiểm tra khi nhận hàng vào điều khoản mua. Xác định cách ghi nhận và xử lý thiếu số lượng, sai thiết kế, sai lệch kích thước hoặc kiểu đóng lỗi. Nếu dùng kế hoạch lấy mẫu AQL, hãy thống nhất

các thông số thay vì coi riêng chữ viết tắt này là tiêu chuẩn nghiệm thu.



Phương án mua nào phù hợp với ngân sách và mô hình đặt hàng của bạn? [↑](#)

So sánh các cách mua hàng trước khi so sánh giá niêm yết. Các phương án cần đánh giá gồm in kỹ thuật số cho đợt chạy ngắn, đợt in truyền thống số lượng lớn hơn, chương trình dùng vật liệu tái chế và túi có sẵn kèm thương hiệu in riêng. Hiệu quả kinh tế của chúng khác nhau vì chi phí chuẩn bị, vật liệu, diện tích phủ mực, số lượng và cam kết tồn kho đều khác nhau.

Phương án	Khi nào nên đánh giá	Đánh đổi chính
Túi gửi hàng in kỹ thuật số	Thiết kế thay đổi, thử nghiệm nhận diện ban đầu hoặc số lượng yêu cầu nhỏ hơn.	Đơn giá có thể cao hơn; cần xác nhận vùng in và lựa chọn vật liệu.
In truyền thống số lượng lớn	Thiết kế ổn định và nhu cầu bổ sung có thể dự đoán.	Chi phí thiết lập và cam kết tồn kho có thể triệt tiêu lợi thế đơn giá thấp hơn.
Thông số vật liệu tái chế có tài liệu	Mua hàng yêu cầu hàm lượng tái chế có bằng chứng.	Cần đánh giá bằng chứng vật liệu, diện mạo, tương thích in và khả năng cung ứng.
Túi có sẵn kèm nhãn dán in	Nhu cầu không chắc chắn hoặc thiết kế thương hiệu thay đổi thường xuyên.	Diện mạo kém liền mạch hơn và cần thao tác dán nhãn riêng.
Hộp bảo vệ hoặc túi gửi hàng thay thế	Sản phẩm cần đệm, độ cứng hoặc bảo vệ góc.	So sánh chi phí và khả năng bảo vệ của gói hoàn chỉnh, không chỉ giá túi.

Các phương án này mô tả lựa chọn mua hàng trên thị trường, không phải danh mục dịch vụ đã xác nhận. Không có phương án nào tự động rẻ nhất hoặc phù hợp nhất: việc so sánh phải dùng kích thước, yêu cầu bảo vệ và điều khoản giao hàng tương đương.

Yêu cầu nêu riêng giá túi, chi phí thiết lập hoặc bản khuôn in, mẫu, cước vận chuyển và chi phí nhập

khẩu áp dụng. Nêu rõ báo giá gồm in một mặt hay hai mặt và có bao gồm yêu cầu vật liệu hoặc kiểu đóng đặc biệt không. Điều này tránh so sánh báo giá logo cơ bản với thiết kế phủ toàn bộ.

So sánh kiện hoàn chỉnh với bao bì hiện tại trước khi tuyên bố tiết kiệm chi phí vận chuyển. Bao gồm mọi thành phần bảo vệ, rồi dùng kích thước và khối lượng đóng gói thực tế. Chỉ giảm khối lượng bao bì không tự xác lập mức phí thấp hơn cho mọi dịch vụ hoặc điểm đến.

Lập kế hoạch nhận hàng, lưu kho và đặt hàng lại

Thống nhất cách đếm, bó và nhận diện túi theo kích thước và phiên bản thiết kế. Hãy yêu cầu kích thước thùng ngoài và khối lượng lô hàng khi có. Nếu giao hàng có thể bị chia đợt, hãy yêu cầu thông báo trước để kho phân biệt được giao thiếu với giao một phần.

Lưu giữ mẫu, thông số và phiên bản thiết kế đã phê duyệt để đặt lại. Kiểm tra các lô hàng vào theo các tài liệu đó, đặc biệt sau khi thay đổi vật liệu hoặc quy trình. Quyết định bổ sung hàng nên phản ánh mức sử dụng thực tế và thời gian giao đã xác nhận, không phải lịch giả định sao chép từ đơn đầu tiên.



Cần có bằng chứng gì cho các tuyên bố về tái chế và vật liệu? [↑](#)

Tách riêng ba câu hỏi: túi chứa gì, toàn bộ cấu trúc của túi có tương thích với quy trình tái chế hay không và khách hàng có tiếp cận được quy trình đó không. Tuyên bố về hàm lượng tái chế chỉ trả lời câu hỏi đầu tiên, không phải cả ba.

Đối với hướng dẫn thải bỏ tại Hoa Kỳ, đa số túi nhựa, màng bọc và phim nhựa không được nhận trong chương trình tái chế bên lề đường thông thường. Bao bì đủ điều kiện có thể dùng tuyến thu gom tại cửa hàng, như được giải thích bởi [hướng dẫn Store Drop-off của How2Recycle](#)^[1] Không nên cho rằng mọi túi gửi hàng in đều đủ điều kiện.

Hãy đánh giá nhãn, mực và keo dán cùng với màng. Hướng dẫn thiết kế màng PE của APR^[2] ưu tiên vật liệu nền nhãn gốc PE thay cho giấy khi cần dán nhãn. Hướng dẫn thiết kế không chứng nhận sản phẩm này hoặc cho phép dùng nhãn tái chế hướng tới người tiêu dùng.

Yêu cầu tài liệu phân biệt hàm lượng tái chế sau tiêu dùng với vật liệu sau công nghiệp. Xác minh phạm vi của mọi chứng chỉ đối với túi đề xuất và chuỗi cung ứng. Số nhận diện nhựa cho biết vật liệu; nó không xác lập khả năng tiếp cận điểm thu gom hoặc chứng minh bao bì sẽ được tái chế.

Tách vật liệu có thể ủ phân khỏi thông số PE thông thường. Tuyên bố khả năng ủ phân cần bằng chứng hỗ trợ cho điều kiện liên quan và toàn bộ cấu trúc; khả năng ủ công nghiệp không nên được trình bày như khả năng ủ tại nhà hoặc hiệu suất tại bãi chôn lấp. Chưa xác nhận tỷ lệ hàm lượng tái chế, phê duyệt nhãn tái chế hoặc chứng nhận khả năng ủ phân cho sản phẩm này.

Trước khi phê duyệt nội dung môi trường, hãy kiểm tra đồng thời thị trường đích và thiết kế đề xuất. Tránh các thuật ngữ rộng như “thân thiện với môi trường” hoặc “có thể tái chế hoàn toàn” khi thiếu bằng chứng về vật liệu, thành phần và hệ thống thu gom.

Các điểm chính để đưa ra quyết định mua hàng rõ ràng hơn



- **Độ vừa phải được chứng minh bằng mẫu đã đóng gói.** Kích thước danh nghĩa không xác lập sức chứa, mức phù hợp tải hoặc số lượng sản phẩm.
- **So sánh toàn bộ thông số trước khi so sánh giá.** Bao gồm độ dày, cấu trúc, độ phủ in, kiểu đóng, chi phí thiết lập và giao hàng.
- **Phê duyệt nên bao gồm cả thiết kế lẫn hiệu suất vật lý.** Bản duyệt kỹ thuật số không thể xác lập độ bền đường hàn, độ mờ hoặc độ bám dính mực.
- **Các tuyên bố không kèm điều kiện về khả năng tái chế tại Hoa Kỳ cần có căn cứ và khả năng tiếp cận thu gom đầy đủ.** — Theo hướng dẫn FTC, ít nhất 60 % người tiêu dùng hoặc cộng đồng nơi sản phẩm được bán phải tiếp cận được cơ sở tái chế phù hợp; riêng khả năng tiếp cận không xác lập khả năng tái chế của bao bì ([Nguồn^{\[3\]}](#)).
- **Xác nhận các giá trị mua hàng riêng theo sản phẩm.** MOQ, thời gian sản xuất, trọng lượng đơn vị và giá cần có báo giá bằng văn bản; hiệu năng cần được xác nhận bằng kiểm tra mẫu.

Chuyển yêu cầu vận chuyển thành báo giá có thể so sánh

Túi gửi hàng in phù hợp bắt đầu từ yêu cầu vận chuyển rõ ràng, không phải lời hứa thiếu căn cứ về độ bền hoặc tiết kiệm. Hãy xác định sản phẩm đã đóng gói, thống nhất thông số vật liệu và in, rồi phê duyệt các kiểm tra mẫu có thể đo lường trước khi cam kết tồn kho.

Yêu cầu báo giá theo thông số kỹ thuật cho túi gửi hàng poly in theo yêu cầu, kèm kích thước và trọng lượng sản phẩm đã đóng gói, số lượng dự kiến, thiết kế in, yêu cầu đóng miệng, địa điểm giao hàng và ngày đến mong muốn.

^[1]Store Drop-off của How2Recycle: hướng dẫn tại Hoa Kỳ phân biệt màng nhựa đủ điều kiện được thu gom tại cửa hàng với tái chế bên lề đường thông thường. Hướng dẫn này không xác lập tính đủ điều kiện cho sản phẩm này. [↩](#)

^[2]Hướng dẫn thiết kế màng PE của APR: hướng dẫn ngành để đánh giá thành phần bao bì màng polyethylene và khả năng tương thích tái chế; không phải chứng nhận sản phẩm hoặc cho phép nhãn

người tiêu dùng. [↵](#)

^[3]FTC Green Guides, tuyên bố có thể tái chế: hướng dẫn về chứng minh và giới hạn các tuyên bố khả năng tái chế, gồm khả năng tiếp cận cơ sở thu gom và xử lý phù hợp. Cấu trúc sản phẩm và yêu cầu theo điểm đến cũng quan trọng. [↵](#)

Product Option